

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21



Số: 271/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011-TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011-TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tú

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Phạm Thu Thủy.

Phạm Thu Thủy

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2259-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B01-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		27.881.781.939	24.797.042.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.488.005.881	18.998.623.154
1. Tiền	111		13.488.005.881	9.034.469.659
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	9.964.153.495
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	9.504.896.058	401.045.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.963.270.483	401.045.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(458.374.425)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		688.880.000	5.397.373.934
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	688.880.000	5.268.849.344
2. Các khoản phải thu khác	135		-	128.524.590
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.200.000.000	-
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	4.200.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		3.063.396.760	2.638.915.501
I. Tài sản cố định	220		601.428.701	76.009.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	601.428.701	76.009.358
- Nguyên giá	222		1.259.250.600	575.294.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(657.821.899)	(499.284.642)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.315.600	93.315.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.315.600)	(93.315.600)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.177.225.000	2.177.225.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	2.177.225.000	2.177.225.000
III. Tài sản dài hạn khác	260	10	284.743.059	385.681.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		117.761.109	218.699.193
2. Tài sản dài hạn khác	268		166.981.950	166.981.950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		30.945.178.699	27.435.957.589

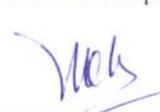
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

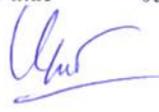
MẪU SỐ B01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5.146.342.413	541.325.793
I. Nợ ngắn hạn	310		130.138.707	541.325.793
1. Phải trả người bán	312	11	63.200.000	46.034.469
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	30.060.307	458.003.674
3. Chi phí phải trả	316		19.800.000	22.400.000
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		17.078.400	14.887.650
II. Nợ dài hạn	330		5.016.203.706	-
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	13	5.016.203.706	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		25.798.836.286	26.894.631.796
I. Vốn chủ sở hữu	410		25.798.836.286	26.894.631.796
1. Vốn điều lệ	411	14	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		798.836.286	1.894.631.796
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		30.945.178.699	27.435.957.589

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
1. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		9.963.270.483	401.045.000
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		8.111.620.483	41.045.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		360.000.000	360.000.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	011		1.491.650.000	-
2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		2.177.225.000	2.177.225.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		3.006.303	7.163.889.017
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	15	3.006.303	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	7.163.889.017
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		1.100.000.000.000	75.870.630.000
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	16	1.100.000.000.000	-
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	75.870.630.000
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	27.641.244.851
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	423.207.104


Lê Thị Kim Hoàng
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu


Lê Anh Ngọc
 Trưởng ban Kiểm soát nội bộ


Trần Văn Trọng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 03 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu	01	17	4.376.964.431	4.306.157.325
2. Doanh thu thuần về dịch vụ (10=01)	10		4.376.964.431	4.306.157.325
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	1.177.959.307	922.144.330
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		3.199.005.124	3.384.012.995
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.289.890.232	2.144.826.235
6. Chi phí tài chính	22	20	2.018.617.327	323.856.011
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	3.577.461.115	2.795.748.038
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		892.816.914	2.409.235.181
9. Lợi nhuận trước thuế (50=30)	50		892.816.914	2.409.235.181
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	113.612.424	536.974.421
11. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		779.204.490	1.872.260.760
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	312	749

Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B03-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9.623.340.481	4.304.527.058
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.104.596.700)	(959.731.253)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.521.158.900)	(1.111.246.100)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(539.461.491)	(471.468.633)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	67.116.384.144	31.711.811.477
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(76.986.520.707)	(20.484.651.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.412.013.173)	12.989.240.792
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(683.956.600)	(33.440.000)
2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	460.352.500	1.661.402.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(223.604.100)	1.627.962.009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(1.875.000.000)	(1.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.875.000.000)	(1.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.510.617.273)	12.917.202.801
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	18.998.623.154	6.081.420.353
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	13.488.005.881	18.998.623.154


Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu


Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ


Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ 05-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ (giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	Ngày 01 tháng 01 năm 2013	Ngày 01 tháng 01 năm 2014	Năm 2013		Năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn điều lệ	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	1.722.371.036	1.894.631.796	1.872.260.760	(1.700.000.000)	779.204.490	(1.875.000.000)	1.894.631.796	798.836.286
	26.722.371.036	26.894.631.796	1.872.260.760	(1.700.000.000)	779.204.490	(1.875.000.000)	26.894.631.796	25.798.836.286

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-HĐQT.2014 ngày 15 tháng 01 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 1.875.000.000 đồng (năm 2013: 1.700.000.000 đồng).



Lê Thị Kim Hoàng
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu



Lê Anh Ngọc
 Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 03 tháng 3 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐC ngày 05 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) về thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10 người)

Hoạt động chính

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc về suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Số năm
Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí mua các dụng cụ, thiết bị văn phòng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.898.200	2.708.239
Tiền gửi ngân hàng	13.480.107.681	9.031.761.420
Các khoản tương đương tiền	-	9.964.153.495
	13.488.005.881	18.998.623.154



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Chứng khoán vốn niêm yết		9.603.270.483		41.045.000
Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu (TC6)	-	-	5.000	41.045.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật (CII)	40.000	820.205.962	-	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG)	15.000	553.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	55.000	1.258.668.463	-	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán TP.HCM (HCM)	15.000	512.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc (KBC)	80.000	1.209.082.579	-	-
Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC)	70.000	3.788.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	30.000	384.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất (TNC)	60.000	691.750.000	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Thuận (KSA)	43.000	385.563.479	-	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết		360.000.000		360.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCbank)	100.000	360.000.000	100.000	360.000.000
		9.963.270.483		401.045.000
Các khoản dự phòng		(458.374.425)		-
Chứng khoán niêm yết		(458.374.425)		-
Đầu tư ngắn hạn ròng		9.504.896.058		401.045.000

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	230.172.344
Phải thu bán chứng khoán (*)	688.880.000	5.038.677.000
	688.880.000	5.268.849.344

(*) Đây là các khoản phải thu từ việc bán chứng khoán được thanh toán sau 3 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Thanh Tùng- thành viên hội đồng quản trị và là cổ đông Công ty mua lại cổ phần Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVFC- Đạm Cà Mau) của các cá nhân/ tổ chức trúng đấu giá trong đợt đấu giá ngày 11 tháng 12 năm 2014 với giá mục tiêu không quá 12.200 đồng/cổ phần. Thời gian tạm ứng không quá 30 ngày kể từ ngày đấu giá 11 tháng 12 năm 2014. Khoản tạm ứng này không tính lãi. Tại ngày 9 tháng 01 năm 2015, ông Nguyễn Thanh Tùng đã hoàn ứng lại toàn bộ khoản tiền tạm ứng trị giá 4.200 triệu đồng cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	66.770.000	508.524.000	575.294.000
Mua sắm trong năm	-	683.956.600	683.956.600
Tại ngày 31/12/2014	66.770.000	1.192.480.600	1.259.250.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	47.263.330	452.021.312	499.284.642
Khấu hao trong năm	16.719.996	141.817.261	158.537.257
Tại ngày 31/12/2014	63.983.326	593.838.573	657.821.899
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2014	2.786.674	598.642.027	601.428.701
Tại ngày 31/12/2013	19.506.670	56.502.688	76.009.358

Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 541.854.000 đồng (năm 2013: 33.330.000 đồng).

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào 103.089 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa (CPHACo), có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Khoản đầu tư này chiếm 0,60% tổng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí chuyển văn phòng	117.761.109	218.699.193
Đặt cọc thuê văn phòng	153.781.950	153.781.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.200.000	13.200.000
	284.743.059	385.681.143

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đây là khoản phải trả từ việc mua chứng khoán được thanh toán sau 3 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24)	11.046.157	436.895.224
Thuế thu nhập cá nhân	19.014.150	21.108.450
	30.060.307	458.003.674

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT

L9-12A, Tầng 9, Tòa nhà Vincom Center, 45A Lý Tự Trọng

Báo cáo tài chính

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Đây là khoản doanh thu liên quan đến phí quản lý danh mục đầu tư của 03 (ba) hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty và ba khách hàng cá nhân gồm: Bà Đinh Thị Lê Sa (330 tỷ đồng), Bà Trịnh Thị Kiều Tiên (440 tỷ đồng) và Ông Võ Bá Huy (330 tỷ đồng) được ký kết vào ngày 24 tháng 9 năm 2014. Thời hạn ủy thác theo Hợp đồng này là 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty nhận khoản Vốn Ủy thác đầu tiên căn cứ trên thông báo của Ngân hàng Lưu ký. Phí Quản lý danh mục đầu tư ("Phí Quản lý") được tính một lần đầu kỳ là 0,5% (không phải năm phần trăm) của Vốn Ủy Thác. Doanh thu thực hiện sẽ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng.

14. VỐN ĐIỀU LỆ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	25.000.000.000	25.000.000.000

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn pháp định đã góp tại 31/12/2014 và 31/12/2013
	VND	%	VND
Ông Trần Văn Trọng	9.930.000.000	39,72	9.930.000.000
Ông Võ Trọng Thủy	6.660.000.000	26,64	6.660.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	5.910.000.000	23,64	5.910.000.000
Ông Mai Hữu Tín	2.500.000.000	10,00	2.500.000.000
	25.000.000.000	100,00	25.000.000.000

15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	3.006.303	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	3.006.303	-

16. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
- Cổ phiếu không niêm yết		
HAGL: Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh	1.100.000.000.000	-
	1.100.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý đầu tư chứng khoán	2.750.171.171	2.745.412.091
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	1.626.793.260	1.560.745.234
	4.376.964.431	4.306.157.325

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	1.177.959.307	922.144.330
	1.177.959.307	922.144.330

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	249.168.023	1.307.745.519
Lãi từ hoạt động tự doanh	2.580.311.953	575.743.216
Cổ tức, lợi nhuận được chia	460.352.500	261.337.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	57.756	-
	3.289.890.232	2.144.826.235

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.560.242.902	323.856.011
- Lỗ từ hoạt động tự doanh	1.284.670.470	257.702.108
- Phí giao dịch chứng khoán	275.572.432	66.153.903
Dự phòng giảm giá chứng khoán	458.374.425	-
	2.018.617.327	323.856.011

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.058.312.000	1.427.375.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.460.973	960.736.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.537.257	103.131.400
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí khác	464.150.885	301.505.162
	3.577.461.115	2.795.748.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	892.816.914	2.409.235.181
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(460.352.500)	(261.337.500)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	432.464.414	2.147.897.681
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	95.142.171	536.974.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm (*)	18.470.253	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	113.612.424	536.974.421

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ là 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế. Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính trên lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

(*) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm trong năm căn cứ trên Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 3 năm 2014.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	779.204.490	1.872.260.760
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	779.204.490	1.872.260.760
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	312	749

24. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:

Theo hợp đồng quản lý đầu tư với Dan Bau LLC, Công ty được ủy quyền thay mặt Dan Bau LLC thực hiện tất cả các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng quản lý này.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 0 đồng vì hợp đồng quản lý đầu tư giữa Công ty và Dan Bau LLC đã chấm dứt vào ngày 30 tháng 10 năm 2014. (Sau 5 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	727.490.025	755.066.538

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	714.045.566	678.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	119.007.594	791.000.000
	833.053.161	1.469.000.000

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Vincom Center, số 45A Lý Tự Trọng và 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê là 36 tháng (từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 đến ngày 29 tháng 02 năm 2016).

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Trần Văn Trọng	Cổ đông
Ông Võ Trọng Thủy	Cổ đông
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Cổ đông
Ông Mai Hữu Tín	Cổ đông

Công ty đã có giao dịch và sổ dư với các bên liên quan cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2014 tại Thuyết minh số 7.

Thu nhập Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Tiền lương	1.080.000.000	630.000.000
	1.080.000.000	630.000.000

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng)		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.488.005.881	18.998.623.154	13.488.005.881	18.998.623.154
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9.963.270.483	401.045.000	9.504.896.058	401.045.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	688.880.000	5.268.849.344	688.880.000	5.268.849.344
Các khoản phải thu khác	-	128.524.590	-	128.524.590
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	2.177.225.000	(*)	(*)
	26.317.381.364	26.974.267.088		
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	63.200.000	46.034.469	63.200.000	46.034.469
Chi phí phải trả	19.800.000	22.400.000	19.800.000	22.400.000
	83.000.000	68.434.469	83.000.000	68.434.469

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.488.005.881	-	13.488.005.881
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9.963.270.483	-	9.963.270.483
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	688.880.000	-	688.880.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	-	2.177.225.000
	26.317.381.364	-	26.317.381.364
Phải trả người bán	63.200.000	-	63.200.000
Chi phí phải trả	19.800.000	-	19.800.000
	83.000.000	-	83.000.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.234.381.364	-	26.234.381.364

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT

L9-12A, Tầng 9, Tòa nhà Vincom Center, 45A Lý Tự Trọng

Báo cáo tài chính

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.998.623.154	-	18.998.623.154
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	401.045.000	-	401.045.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.268.849.344	-	5.268.849.344
Các khoản phải thu khác	128.524.590	-	128.524.590
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	-	2.177.225.000
	26.974.267.088	-	26.974.267.088
Phải trả người bán	46.034.469	-	46.034.469
Chi phí phải trả	22.400.000	-	22.400.000
	68.434.469	-	68.434.469
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.905.832.619	-	26.905.832.619

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bởi kiểm toán viên tiền nhiệm.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2015